

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 3 - 2026

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Thị Thủy

2. Bà Đoàn Thị Liễu

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng, đối với vụ án thụ lý số: 347/2025/TLST-HNGĐ ngày 03/12/2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2026/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Lê Quốc V, sinh năm 1989 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 5, ấp C, xã H, tỉnh An Giang.

2. **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố H, phường V, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/7/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Lê Quốc V trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Phương T sau một thời gian tự quen biết và tìm hiểu thì hai bên tự nguyện tiến tới hôn nhân. Anh chị được Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Kiên Giang (nay là xã H, tỉnh An Giang) cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày

13/8/2020. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau một thời gian thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, hay cãi vã. Nguyên nhân theo anh V cho rằng do chưa thật sự tìm hiểu kỹ về nhau, bất đồng trong quan điểm sống. Anh và chị T đã nhiều lần hòa giải với nhau nhưng không thành; cả hai đã sống ly thân với nhau. Do nhận thấy không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc nên anh V muốn ly hôn với chị T. Anh V xác nhận vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Lê Thị Tường V1, sinh ngày 29/02/2020. Cháu V1 hiện nay đang sống chung với mẹ.

Tại Đơn khởi kiện anh yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Phương T.
- Về con chung: Anh yêu cầu được nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 22/01/2026, anh thay đổi ý kiến về vấn đề nuôi con sau khi ly hôn; anh đồng ý giao cháu Lê Thị Tường V1, sinh ngày 29/02/2020 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; anh không cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai ngày 16/3/2026 bị đơn chị Nguyễn Thị Phương T trình bày: Chị đồng ý ly hôn với anh Lê Quốc V; Chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Thị Tường V1, sinh ngày 29/02/2020, chị không yêu cầu anh V1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, chị xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Anh Lê Quốc V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với chị Nguyễn Thị Phương T; đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Phương T là bị đơn cư trú tại phường Vĩnh Thông, tỉnh An Giang; căn cứ quy định tại Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án ngày

25/6/2025, có hiệu lực thi hành ngày 07/7/2025; thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - An Giang theo thủ tục sơ thẩm.

Anh Lê Quốc V có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị Phương T vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hay trở ngại khách quan dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai; căn cứ **khoản 1 Điều 238** Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Nội dung vụ án:

Anh Lê Quốc V và bà Nguyễn Thị Phương T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Kiên Giang (nay là xã H, tỉnh An Giang) cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/8/2020, nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Anh V xác định nguyên nhân yêu cầu ly hôn là vì giữa anh và chị T không còn tình cảm, đời sống hôn nhân không hạnh phúc và vợ chồng đã sống ly thân. Về phía chị T cũng đã có văn bản ý kiến đồng ý ly hôn với anh V. Điều này cho thấy tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Hội đồng xét xử dựa trên nguyên tắc tự nguyện trong hôn nhân, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 55 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh V và chị T.

Về con chung: Quá trình chung sống anh V và chị T có 01 con chung là Lê Thị Tường V1, sinh ngày 29/02/2020, hiện tại đang sinh sống cùng chị T. Anh V và chị T thống nhất giao cháu Lê Thị Tường V1 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị T không có yêu cầu.

Chị T cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở **anh V** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trường hợp **anh V** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì **chị T** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của **anh V**.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

[3] Án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024.

Do các bên đương sự thuận tình ly hôn trước khi mở phiên tòa sơ thẩm nên các bên đương sự phải chịu 50% mức án phí quy định (mỗi bên chịu 25% mức án phí quy định) tương đương số tiền 75.000 đồng/người; nguyên đơn anh Lê Quốc V tự nguyện chịu toàn bộ án phí; do đó số tiền án phí anh V phải chịu là 150.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008768 ngày 14/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - An Giang), **anh V** được nhận lại số tiền là 150.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, **khoản 1 Điều 238**, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Quốc V đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Phương T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Quốc V và chị Nguyễn Thị Phương T.

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Thị Tường V1, sinh ngày 29/02/2020 cho chị Nguyễn Thị Phương T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở **anh V** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trường hợp **anh V** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì **chị T** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của **anh V**.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Lê Quốc V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008768 ngày 14/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang

(nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - An Giang), **anh V** được nhận lại số tiền là 150.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 1 – An Giang;
- THADS khu vực 1 – An Giang;
- **UBND xã Hòa Điền;**
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hoàng Hồng Thắm